

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-3-2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cẩm Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Toàn.

2. Ông Trần Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Lương Văn Dục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Điệp - Kiểm Sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H - Sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT: Bản S, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn B - sinh năm 1974.

Nơi ĐKKHKT: Bản S, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Chị và anh Lò Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới xin theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Hặc, huyện Y, tỉnh Sơn La từ năm 1993. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại bản S, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, đến năm 2022 thì ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị H đề nghị được ly hôn với anh Lò Văn B.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2024 bị đơn anh Lò Văn B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời điểm chung sống, quá trình chung sống. Tuy nhiên sau khi kết hôn đến năm 2022 thì chị H đi làm ăn xa không chịu quay về. Hai bên không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay chị H đề nghị xin ly hôn anh với lý do tình cảm không còn, anh đồng ý.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 03/01/2024 nguyên đơn chị Lò Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Lò Văn B, không yêu cầu giải quyết về con chung do con đã trưởng thành, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Bị đơn anh Lò Văn B đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ngày 08/01/2024 nguyên đơn chị Lò Thị H có đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải, đề nghị xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt tại biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2024, nhất trí ly hôn với nguyên đơn đồng thời đề nghị ghi nhận ý kiến của mình như tại biên bản ghi lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

Do chị Lò Thị H và anh Lò Văn B kết hôn có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng đã không còn, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hiện anh Lò Văn B đồng ý ly hôn với chị Lò Thị H. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị H, tuyên xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn B.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nợ chung: Không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lò Văn B, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Lò Văn B có nơi cư trú là bản S, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Bị đơn Lò Văn B đã được triệu tập hòa giải nhưng vắng mặt không tham gia phiên Hòa giải ngày 03/01/2024, tuy nhiên đã có biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2024, chị Lò Thị H có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án không tiến hành hòa giải được nhưng vẫn xét xử theo đúng quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Nguyên đơn Lò Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 01/03/2024 và có bản tự khai ngày 03/1/2024, bị đơn Lò Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được ghi lời khai ngày 28/02/2024 và có ý kiến xin

vắng mặt tại phiên xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày, Chị H và anh B kết hôn có đăng ký kết hôn năm 1993 tại UBND xã Chiềng Hặc, huyện Y theo quy định của pháp luật. Việc anh chị có đăng ký kết hôn làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính, không còn tình cảm, không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng, và đã ly thân trong thời gian dài không có ý định tái hợp. Mâu thuẫn giữa chị H và anh B đã thực sự trầm trọng. Nay chị H có đơn đề nghị ly hôn với anh B, tại biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2024 anh B có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Lò Thị H, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của hai anh chị khi hai bên mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Lò Văn B của chị Lò Thị H.

[5] Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về khoản nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Lò Văn B.
3. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.
4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
6. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000316 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Y.
7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA Dân sự huyện Y;
- UBND xã Chiềng Hặc, huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦNGƯ TỌA PHIÊN
TÒA**

Cầm Thị Thanh Huyền

